TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31-01-2024
"V/v Ly hôn giữa chị T và anh Đ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Trang và bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Kim T, sinh năm 2002

Địa chỉ: Ấp Lô n, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trương Phát Đ, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp Lô m, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Phan Thị Kim T trình bày như sau:

Chị Phan Thị Kim T (gọi tắt chị T) và anh Trương Phát Đ (gọi tắt anh Đ) chung sống với nhau vào năm 2022, hôn nhân tự nguyện được gia đình tổ chức đám

cưới theo phong tục tập quán của địa phương và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang vào ngày 12/5/2022.

Vợ chồng chung sống được khoảng 5 đến 6 tháng thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân khi chị T mang thai đi thăm khám bác sĩ và được bác sĩ thông báo là thai yếu thì cha mẹ chồng và chồng đều bắt chị T phải phá bỏ thai nhi trong khi chị T không muốn phá thai. Gia đình chồng không muốn chị T giữ lại thai nên đã bắt chị T phải uống thuốc nam nhằm phá thai, khi chị T có biểu hiện ói ra máu ảnh hưởng đến thai nhi thì gia đình không đưa đi viện cứu chữa nên chị T phải xin về nhà cha mẹ ruột nhằm mục đích để điều trị bệnh. Trước khi chị T về nhà cha mẹ ruột thì gia đình bên chồng đã bắt chị T phải giao trả số vàng cưới và không cho quay trở lại nhà chồng. Chị T đã về nhà cha mẹ ruột sống và sinh con, nuôi con một mình cho đến nay, anh Đ không tới lui thăm và không có trách nhiệm gì với vợ con. Hiện tại chị T đã sống ly thân với anh Đ khoảng hơn 01 năm và xác định không thể duy trì hôn nhân với anh Đ được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có một người con chung tên Phan Thị Tường V, sinh ngày 27/12/2022 hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T xin được quyền nuôi con chung cháu Phan Thị Tường V, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung của vợ chồng: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn anh Trương Phát Đ đều vắng mặt, không có yêu cầu phản tố và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Kim T.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); giấy khai sinh của cháu Phan Thị Tường V; căn cước công dân (bản photo). Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, bị đơn anh Trương Phát Đ đã được triệu tập

hợp lệ nhưng vắng mặt tai phiên tòa đề nghị áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị T được ly hôn với anh Đ; về con chung giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chung chị T không có yêu cầu nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa anh Trương Phát Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Chị T yêu cầu ly hôn với anh Đ và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Chị T và anh Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương có cơ sở xác định đời sống hôn nhân của chị T và anh Đ đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung, anh Đ không thể hiện được trách nhiệm làm chồng, làm cha mà còn cùng với gia đình cha mẹ có những hành vi gây áp lực và làm tổn hại đến sức khoẻ và tinh thần của chị T dẫn đến đời sống vợ chồng không thể tiếp diễn. Từ khi vợ chồng sống ly thân vào tháng 8

năm 2022 cho đến nay anh chị đã không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, mỗi người đều tự tạo cuộc sống riêng. Toà án đã mở phiên hoà giải đoàn tụ nhưng các đương sự không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị T, giải quyết cho chị Tđược ly hôn với anh Đ**.**

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có một người con chung tên Phan Thị Tường V, sinh ngày 27/12/2022. Sau khi vợ chồng ly thân con chung do một mình chị T nuôi dưỡng và chăm sóc, đến nay anh Đ không có ý kiến phản đối nguyện vọng nuôi con của chị T và để đảm bảo cuộc sống ổn định của con chung Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Phan Thị Tường V cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận ý kiến tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị T xác định không có, các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Phan Thị Kim T là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 88, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Kim T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Kim T và anh Trương Phát Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thị Tường V, sinh ngày 12/12/2022 cho chị Phan Thị Kim T tiếp tục nuôi dưỡng sau khi chị Phan Thị Kim T và anh Trương Phát Đ ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của chị Phan Thị Kim T không yêu cầu anh Trương Phát Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh, chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không ai có yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phan Thị Kim T có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008848 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Phan Thị Kim T đã nộp đủ án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Hưng Yên ;
- Lưu, HS, VP.